

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2023/DSST  
Ngày 09/3/2023  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Phước Lộc**

**Ông Ngô Rạng Đông**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hồng Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà:* Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 303/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXX-DS ngày 17/02/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Châu Hoàng T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Th**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Châu Hoàng T trình bày:*

Vào năm 2019 ông có cho bà Nguyễn Ngọc Th vay tiền nhiều lần tổng cộng là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), việc cho vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận thời hạn, đến ngày 21/8/2019 thì bà Th đã

trả được cho ông được số tiền là 500.000.000 đồng, nên bà Th có ký vào biên nhận nợ ngày 21/8/2019 thừa nhận còn nợ ông số tiền gốc 800.000.000 đồng, đến ngày 08/02/2022 bà Th có trả cho ông được 50.000.000 đồng, thì ngưng không trả thêm số tiền nào nữa. Ông T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu bà Th phải trả cho ông T số tiền còn nợ gốc là 750.000.000 đồng nhưng bà Th vẫn không trả nợ cho ông. Do đó, ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà Th phải có trách nhiệm trả cho ông một lần đủ số tiền gốc 750.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi.

Ông T xác định số tiền ông cho bà Th vay là tiền riêng của ông, không liên quan ai khác, còn việc cho vay tiền chỉ cho một mình bà Th vay, không liên quan đến chồng hoặc người thân của bà Th, nên chỉ yêu cầu một mình bà Th phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 750.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

***Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th trình bày:***

Trước đây bà có vay của ông T nhiều lần với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng), đến ngày 21/8/2019 bà đã trả được ông T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), còn nợ lại 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), nên bà có viết và ký tên vào biên nhận nợ ngày 21/8/2019 thừa nhận còn nợ ông T số tiền 800.000.000 đồng, đến ngày 08/02/2022 bà đã trả được cho ông T số tiền 50.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại ông T số tiền gốc 750.000.000 đồng. Đối với số tiền bà vay mượn của ông T thì hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay, việc vay tiền của ông T là do một mình bà vay, không liên quan chồng bà và chồng bà hoàn toàn không hay biết bà vay tiền để làm gì, cũng liên quan đến ai khác. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ vay 750.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho ông T số tiền này. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của bà gặp nhiều khó khăn do bà còn thiếu nợ rất nhiều người, tài sản hiện tại cũng không còn vì đã bán để trả nợ cho người khác, nên không có khả năng trả một lần mà bà xin được trả dần cho ông T mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng đến khi trả hết nợ. Trường hợp nếu bà có tiền thì sẽ trả cho ông T nhiều hơn.

Tại phiên tòa, ông Châu Hoàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Ngọc Th trả một lần cho ông T đủ số tiền gốc 750.000.000 đồng, ông không yêu cầu bà Th trả tiền lãi. Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của bà Th ông không đồng ý, do bà Th thiếu tiền của ông đã lâu từ năm 2019 cho đến nay, ông đã đòi tiền nhiều lần nhưng bà Th cố tình không trả nợ cho ông mà ưu tiên trả nợ cho người khác.

Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên ý kiến đồng ý trả nợ gốc cho ông T số tiền 750.000.000 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh của bà vẫn còn rất khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi trả hết số tiền này.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hoàng T là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T và bà Th đều thống nhất xác định số tiền bà Th còn nợ ông T là 750.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Bà Th đồng ý trả số tiền 750.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T nhưng xin được trả dần số tiền gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, nhưng không được ông T đồng ý phương án xin trả dần của bà Th. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 và Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà Th phải trả ông T số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc Th có nơi cư trú tại địa bàn thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Châu Hoàng T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th phải trả cho ông T số tiền vay còn nợ là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung:**

Ông Châu Hoàng T và bà Nguyễn Ngọc Th đều thống nhất xác định, trước đây ông T có cho bà Th vay tiền nhiều lần tổng cộng là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), việc cho vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn vay. Trong quá trình vay, bà Th đã trả được số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, nên đến ngày 21/8/2019 hai bên có làm biên nhận nợ xác nhận bà Th còn nợ ông T số tiền gốc 800.000.000 đồng, sau đó đến ngày 08/02/2022 bà Th có trả thêm cho ông T được số tiền 50.000.000 đồng, nên hiện nay bà Th còn nợ lại ông T số tiền gốc là 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng). Đối với số tiền ông T cho bà Th vay là tiền riêng của ông T và ông T chỉ cho riêng bà Th vay, không

liên quan ai khác. Xét thấy đây được xem là những tình tiết, sự kiện có thật, được hai bên thừa nhận và thống nhất, nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu một mình bà Th phải có nghĩa vụ trả đủ cho ông một lần số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Th đồng ý trả cho T số tiền 750.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần số tiền 750.000.000 đồng cho ông T, mỗi tháng xin được trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, yêu cầu xin trả dần của bà Th không được ông T đồng ý, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hoàng T, buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Châu Hoàng T số tiền nợ 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Châu Hoàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hoàng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th phải trả cho nguyên đơn ông Châu Hoàng T số tiền 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.000.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu đồng*).

- Hoàn trả cho nguyên đơn ông Châu Hoàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000508, ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- CC. THADS TP. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Nhung**